



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 | Fax: (84) 222 12 892 | Email: ifc@ifcvieta.com.vn | Website: www.ifcvieta.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀU 12 - CIENCO1

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014



Thành viên hãng **AGN International** / Member Firm of **AGN International**

Kiểm toán/Audit . Kế toán/Accounting . Tư vấn thuế/Tax Consulting . Tài chính/Finance

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cầu 12 - Cienco1 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Bảo	Chủ tịch (miễn nhiệm tháng 11 năm 2014)
Ông Đặng Thanh Bình	Phó Chủ tịch (bổ nhiệm Chủ tịch tháng 11 năm 2014)
Ông Nguyễn Văn Vinh	Ủy viên
Ông Đỗ Đình Nghị	Ủy viên
Ông Phạm Xuân Thủy	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Ngô Bá Toàn	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Vinh	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hoa	Phó Giám đốc (miễn nhiệm tháng 04 năm 2014)
Ông Đào Trọng Nam	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Sơn Hải	Phó Giám đốc (bổ nhiệm tháng 9 năm 2014)
Ông Khuất Quang Huy	Phó Giám đốc (bổ nhiệm tháng 9 năm 2014)
Ông Võ Công Giang	Phó Giám đốc (bổ nhiệm tháng 9 năm 2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẦU 12 - CIENCO1

Số 463 Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngô Bá Toàn

Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 42.03/2015/BCKT- IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cầu 12 - Cienco1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cầu 12 - Cienco1 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 03 năm 2015, từ trang 5 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Hạn chế phạm vi kiểm toán:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã thực hiện đối chiếu nhưng chưa đầy đủ các khoản công nợ phải thu khách hàng (các khoản phải thu đối với các chủ đầu tư công trình có sử dụng vốn ngân sách Nhà nước) với số tiền là 77.729.391.471 đồng chiếm 20,71% trong tổng số phải thu khách hàng, tương ứng 12,19% trên tổng tài sản và khoản trả trước cho người bán với số tiền là 17.303.184.198 đồng chiếm 2,71% trên tổng tài sản. Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi cũng không thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế cần thiết. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về số dư các khoản công nợ chưa được đối chiếu nêu trên cũng như ảnh hưởng của các khoản mục này đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Không thống nhất trong xử lý kế toán:

Công ty ghi nhận chi phí trả trước dài hạn vào tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn. Theo đó, Công ty đang trình bày trên Bảng cân đối Kế toán khoản mục “Chi phí trả trước ngắn hạn” (mã số 151) bao gồm cả số liệu thuộc khoản mục “Chi phí trả trước dài hạn” (mã số 261).

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.





Khúc Đình Dũng

Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính
Quốc tế (IFC)**

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2015



Nguyễn Thị Thanh Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1402-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		594.071.888.745	469.278.364.000
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		132.815.358.686	90.810.227.597
1. Tiền	111	V.1	132.815.358.686	90.810.227.597
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.016.256.605	2.561.258.253
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	6.016.256.605	2.561.258.253
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		374.526.012.281	268.929.899.375
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	375.262.469.727	269.968.290.160
2. Trả trước cho người bán	132		17.303.184.198	17.298.054.928
3. Các khoản phải thu khác	135	V.4	11.803.086.783	11.506.282.714
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(29.842.728.427)	(29.842.728.427)
IV. Hàng tồn kho	140		41.231.361.815	36.004.798.200
1. Hàng tồn kho	141	V.5	41.231.361.815	36.004.798.200
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		39.482.899.358	70.972.180.575
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.286.313.836	19.541.320
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		158.353.501	310.094.886
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	21.038.232.021	70.642.544.369
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		43.816.414.757	42.632.133.010
I. Tài sản cố định	220		43.774.405.157	42.194.530.416
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	42.362.746.904	40.373.751.547
- Nguyên giá	222		158.960.824.743	150.276.298.700
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(116.598.077.839)	(109.902.547.153)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.411.658.253	1.428.470.005
- Nguyên giá	228		2.284.841.506	2.284.841.506
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(873.183.253)	(856.371.501)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	392.308.864
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	437.602.594
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	437.602.594
III. Tài sản dài hạn khác	260		42.009.600	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		42.009.600	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		637.888.303.502	511.910.497.010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		569.096.370.827	449.269.564.307
I. Nợ ngắn hạn	310		569.095.823.198	448.719.380.314
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	127.414.464.485	93.607.403.366
2. Phải trả người bán	312		139.372.339.413	132.617.480.920
3. Người mua trả tiền trước	313		127.808.227.632	28.323.138.539
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	74.469.751.641	106.378.063.869
5. Phải trả người lao động	315		8.132.803.972	13.026.051.166
6. Chi phí phải trả	316		859.811.419	156.905.575
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11	87.090.511.341	55.827.956.889
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.415.476.760	17.418.760.674
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.532.436.535	1.363.619.316
II. Nợ dài hạn	330		547.629	550.183.993
1. Vay và nợ dài hạn	334		547.629	547.629
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	549.636.364
B. NGUỒN VỐN	400		68.791.932.675	62.640.932.703
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	68.791.932.675	62.640.932.703
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		48.500.000.000	48.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.010.335.802	2.353.078.989
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.892.943.015	2.235.686.202
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		3.873.377.550	2.216.120.737
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.515.276.308	7.336.046.775
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		637.888.303.502	511.910.497.010



Ngô Bá Toàn
Giám đốc

Cần Thành Đạt
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	806.663.390.809	927.162.108.471
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.836.958.444	2.481.747.325
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		804.826.432.365	924.680.361.146
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	744.837.708.827	853.540.094.575
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		59.988.723.538	71.140.266.571
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.156.675.987	959.367.022
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.134.657.073	15.301.887.249
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		13.697.054.479	15.301.887.249
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		29.814.330.140	37.461.576.098
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		17.196.412.312	19.336.170.246
10. Thu nhập khác	31		6.748.509.671	15.931.733.276
11. Chi phí khác	32		5.039.971.058	8.899.016.689
12. Lợi nhuận khác	40		1.708.538.613	7.032.716.587
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.904.950.925	26.368.886.833
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5	4.448.125.734	11.105.130.606
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14.456.825.191	15.263.756.227
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	2.981	3.147



Ngô Bá Toàn
Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015

Cần Thành Đạt
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 03-DN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	883.606.533.475	983.231.220.774
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(639.816.160.204)	(642.070.451.859)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(138.439.573.880)	(148.475.820.075)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(12.837.243.060)	(15.144.981.674)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(7.977.358.951)	(5.259.718.088)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	6.193.113.535	17.596.503.853
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(74.403.527.820)	(69.841.790.927)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	16.325.783.095	120.034.962.004
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8.878.957.998)	(5.582.025.420)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2.578.210.909	185.454.545
3. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.048.113.964	959.367.022
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.252.633.125)	(4.437.203.853)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	289.578.777.101	254.752.325.320
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(255.771.715.982)	(314.220.457.992)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.875.080.000)	(2.875.080.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	30.931.981.119	(62.343.212.672)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	42.005.131.089	53.254.545.479
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	90.810.227.597	37.555.682.118
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	132.815.358.686	90.810.227.597



Ngô Ba Toàn
Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2015


Cán Thành Đạt
Kế toán trưởng


Nguyễn Thanh Hải
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cầu 12 - Cienco1 (gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Quyết định thành lập doanh nghiệp Nhà nước số 324/QĐ - TCCB - TĐ ngày 4 tháng 3 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, là đơn vị thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1, được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quyết định số 1298/QĐ - BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100104651 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2007 và các lần thay đổi.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 5 ngày 15 tháng 4 năm 2013, vốn điều lệ của Công ty là 48.500.000.000 đồng (Bốn mươi tám tỷ năm trăm triệu đồng) tương ứng với 4.850.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Tên giao dịch tiếng anh: BRIDGE JOINT STOCK COMPANY NO.12, tên viết tắt là BJSC12 - CIENCO1.

Trụ sở chính của Công ty: Số 463 Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên trong danh sách của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 892 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 945 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Gia công kết cấu thép, vật liệu xây dựng và các sản phẩm cơ khí khác;
- Tư vấn kiểm định chất lượng công trình xây dựng, kinh doanh phòng thí nghiệm chuyên ngành;
- Thiết kế công trình xây dựng cầu;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, tư vấn lập dự án tiền khả thi và khả thi;
- Cho thuê nhà ở, dịch vụ nhà đất, cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Xây dựng các công trình: giao thông, thủy lợi, dân dụng, công nghiệp, cảng, công trình thủy, kết cấu hạ tầng dự án cấp thoát nước, đường dây và trụ điện 35KV trở xuống; và
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng phải thu và dự phòng nợ khó đòi được trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp giá thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 13
Phương tiện vận tải	04 - 10
Thiết bị văn phòng	05 - 08
Tài sản cố định khác	05 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng đất (không thời hạn và có thời hạn) và phần mềm máy tính của Công ty. Công ty thực hiện trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất có diện tích 6.981 m² được Nhà nước cho thuê trong vòng 50 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm. Công ty đã trích hết khấu hao của phần mềm máy tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị vật tư thi công xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp tỉ lệ sản lượng thực hiện trong kỳ với định mức mà Công ty đã quy định. Chi phí trả trước là công cụ dụng cụ chờ phân bổ sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	5.892.236.157	1.822.467.880
Tiền gửi ngân hàng	126.923.122.529	88.987.759.717
Cộng	132.815.358.686	90.810.227.597

2. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn	6.016.256.605	2.561.258.253
Cộng	6.016.256.605	2.561.258.253

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

3. Phải thu khách hàng

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông I	96.049.809.396	98.919.894.460
Công ty TNHH TC& XD Kukdong - Minh Lương	31.273.052.241	40.024.476.289
Ban Quản lý Dự án (BQLDA) XDĐCT Nội Bài - Lào Cai - Sở GTVT Lào Cai	31.110.064.842	3.474.707.391
Công ty TNHH KT và XD NamKwang - Gói EX10 - Cầu Lạch Tray - HP	25.719.804.273	1.037.519.549
BQLDA XD Giao thông Bắc Ninh - Cầu vượt Sông Đuống	23.565.594.000	-
BQL và Điều hành Dự án XDGT Hà Tĩnh - Cầu Cửa Nhượng	20.171.074.001	11.801.722.001
Công ty TNHH KEANGNAM - Gói EX4 Hải Dương	19.088.799.261	12.435.813.430
BQLDA Giao thông 1 - Sở GTVT Bà Rịa - Vũng Tàu Cầu Chà Và	17.324.637.000	17.720.788.514
BQLDA Cái Mép - Thị vải- Cầu Bàn Thạch	14.197.554.203	20.571.488.423
BQLDA các công trình Giao thông TB - Cầu Bàn Xá	12.956.101.993	13.955.331.993
BQLDA đường LC - Cái Mép Thị Vải - Vàm Gừa	9.020.575.397	-
BQLDA thoát nước đô thị - Dự án xây dựng hệ thống thoát nước tuyến bên phải - Quận 12	8.259.159.000	-
BQLDA Giao thông 1 - Mỗ Lao	7.845.904.000	2.103.527.000
BQL các DA ĐT XD Giao thông - Công trình Cầu Ba Láng	6.173.696.540	2.673.696.540
BQLDA Đầu tư Cơ sở hạ tầng ưu tiên Thành phố Đà Nẵng - Cầu Khuê Đông	4.493.159.470	5.491.048.671
BQLDA 7 - Cầu Chợ Gạo	4.213.721.000	4.246.430.373
BQLDA giao thông 3 - Nút giao Lê Văn Lương	3.618.263.000	3.618.263.000
BQLDA giao thông Vĩnh Long- Cầu Trà Ôn	3.019.185.101	3.019.185.101
BQLDA Mỹ Thuận-cầu Hưng Lợi	2.848.268.000	2.848.268.000
Công ty HDXL nhà QNĐN+Ban QLDA cầu Sông Hàn	2.718.280.357	2.718.280.357
BQLDA Mỹ Thuận - Cầu Mỹ An	2.608.435.639	7.238.360.639
BQLDA liên doanh 18	2.323.935.827	2.323.935.827
Ban Điều hành cầu Khê Hôi	2.047.309.600	2.047.309.600
BQL Dự án Cầu Phú Lương	1.918.423.473	1.918.423.473
BQLDA Cầu Bắc Kạn II - Bắc Kạn	1.592.474.695	1.592.474.695
BQLDA ĐT & XD - Sở GTVT Lâm Đồng - Đường tỉnh 723	1.441.304.844	1.616.549.461
BQLDA Giao thông Phú Thọ - Cầu Hạ Hoà	-	1.704.636.724
Phải thu khách hàng khác	19.663.882.574	4.866.158.649
Cộng	375.262.469.727	269.968.290.160

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Các khoản phải thu khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu khác	11.803.086.783	11.506.282.714
Cộng	11.803.086.783	11.506.282.714

5. Hàng tồn kho

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.277.810.649	1.471.799.448
Công cụ, dụng cụ	653.098.612	638.658.645
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	39.300.452.554	33.894.340.107
Cộng	41.231.361.815	36.004.798.200

6. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	55.732.207
Tạm ứng	18.423.183.434	24.919.764.993
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.615.048.587	8.487.598.600
Tài sản ngắn hạn khác	-	37.179.448.569
Cộng	21.038.232.021	70.642.544.369

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	9.284.791.764	129.456.153.372	9.088.686.551	2.256.167.212	190.499.801	150.276.298.700
Mua trong năm	-	8.162.284.436	2.730.662.107	-	-	10.892.946.543
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.208.420.500)	-	-	(2.208.420.500)
Tại ngày 31/12/2014	9.284.791.764	137.618.437.808	9.610.928.158	2.256.167.212	190.499.801	158.960.824.743
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	4.820.337.404	95.458.199.207	7.474.084.140	2.033.894.488	116.031.914	109.902.547.153
Khấu hao trong năm	446.020.424	7.880.613.512	484.321.944	81.260.662	11.734.644	8.903.951.186
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.208.420.500)	-	-	(2.208.420.500)
Tại ngày 31/12/2014	5.266.357.828	103.338.812.719	5.749.985.584	2.115.155.150	127.766.558	116.598.077.839
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2014	4.464.454.360	33.997.954.165	1.614.602.411	222.272.724	74.467.887	40.373.751.547
Tại ngày 31/12/2014	4.018.433.936	34.279.625.089	3.860.942.574	141.012.062	62.733.243	42.362.746.904

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 73.562.648.275 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 33.413.961.140 đồng).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố cho các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 13.230.020.617 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 6.212.491.891 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2014	1.596.587.506	688.254.000	2.284.841.506
Tại 31/12/2014	1.596.587.506	688.254.000	2.284.841.506
HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại 01/01/2014	168.117.501	688.254.000	856.371.501
Khấu hao trong năm	16.811.752	-	16.811.752
Tại 31/12/2014	184.929.253	688.254.000	873.183.253
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2014	1.428.470.005	-	1.428.470.005
Tại 31/12/2014	1.411.658.253	-	1.411.658.253

9. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Gia Lâm	-	6.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô (i)	18.127.581.366	12.088.650.827
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương (ii)	70.561.870.070	81.512.752.539
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Hà Nội (iii)	7.989.617.622	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Hội sở (iv)	27.944.278.021	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công (v)	2.791.117.406	-
Cộng	127.414.464.485	93.607.403.366

(i) Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành Đô theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 151/2013/572 ngày 26 tháng 06 năm 2013 với tổng hạn mức dư nợ tối đa là 68 tỷ đồng. Thời hạn vay tối đa 9 tháng trên mỗi lần nhận tiền vay. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công công trình Cầu Lạch Tray. Khoản vay trên chịu lãi suất theo từng bảng kê rút vốn cụ thể. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số AD-082948, giá trị tài sản trên đất tại số 463 Nguyễn Văn Linh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải khác để đảm bảo cho khoản vay trên (Thuyết minh số V.7).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)

- Theo Hợp đồng tín dụng số 151/2013/573 ngày 26 tháng 06 năm 2013 với tổng hạn mức dư nợ tối đa là 151.483.000.000 đồng. Thời hạn vay tối đa 9 tháng trên mỗi lần nhận nợ. Công ty vay vốn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công công trình Cầu Cửa Nhượng. Khoản vay trên chịu lãi suất theo từng bảng kê rút vốn cụ thể. Công ty sử dụng quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận số AD-082948, giá trị tài sản trên đất tại số 463 Nguyễn Văn Linh, quận Long Biên, thành phố Hà Nội và máy móc thiết bị, phương tiện vận tải khác để đảm bảo cho khoản vay trên (Thuyết minh số V.7).

(ii) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 02A/2014-HĐTDNT/NHCT128-CAU 12-CAOLANH ngày 24 tháng 06 năm 2014 với tổng tiền vay hạn mức tối đa là 114.857.000.000 đồng, thời hạn giải ngân trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và tối đa không quá ngày 31 tháng 05 năm 2015, thời hạn vay là 6 tháng. Khoản vay trên chịu lãi suất được quy định trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất tiền vay được điều chỉnh 01 tháng một lần và được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm. Công ty sử dụng vốn vay để thanh toán chi phí thi công công trình cầu phía bờ nam thuộc gói thầu CW1B. Công ty sử dụng quyền đòi nợ của Công ty phát sinh từ hợp đồng xây lắp số 03/HP2-XL (RCCP03), ngày 17 tháng 03 năm 2014 giữa Ban QLDA đầu tư phát triển giao thông đô thị Hà Nội và Liên danh Công ty Cổ phần Cầu 12 - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Linh Giang - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex để đảm bảo cho khoản vay trên (Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01-2014/HĐTC/NHCT128-CAU12/CAOLANH).
- Hợp đồng tín dụng cụ thể số 01A/2014-HĐTDCT/NHCT128-CAU12-NUTBUOI ngày 22 tháng 05 năm 2014 với tổng hạn mức cho vay tối đa là 63.888.000.000 đồng, thời hạn giải ngân trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và tối đa không quá ngày 30 tháng 04 năm 2015, thời hạn vay là 6 tháng. Khoản vay trên chịu lãi suất được quy định trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 9%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng. Lãi suất tiền vay được điều chỉnh 01 tháng một lần và được xác định bằng lãi suất cơ sở cộng biên độ 3,5%/năm. Công ty sử dụng tiền vay để thanh toán các chi phí phục vụ thi công phần việc của Công ty được phân chia trong gói thầu số 03/HP2-XL (RCCP03). Công ty sử dụng quyền đòi nợ của Công ty phát sinh từ hợp đồng xây lắp số 03/HP2-XL (RCCP03), ngày 17 tháng 03 năm 2014 giữa Ban QLDA đầu tư phát triển giao thông đô thị Hà Nội và Liên danh Công ty Cổ phần Cầu 12 - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Linh Giang - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex để đảm bảo cho khoản vay trên (Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01-2014/HĐTC/NHCT128-CAU12/NUTBUOI).

(iii) Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội theo Hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc số 1311/2013/HĐTDNT/SHBHN-CẦU 12 - CIENCO1 ngày 13 tháng 11 năm 2013, tổng dư nợ cho vay, bảo lãnh ngân hàng cấp cho Công ty là 350 tỷ đồng. Thời hạn cho vay, bảo lãnh được ghi trên từng Hợp đồng tín dụng/Hợp đồng bảo lãnh cụ thể, trong đó thời hạn cho vay tối đa là 09 tháng. Khoản vay trên chịu lãi suất được quy định tại hợp đồng tín dụng cụ thể. Công ty sử dụng tiền vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động thi công công trình và phát hành các loại bảo lãnh (bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh hoàn tạm ứng, bảo lãnh chờ quyết toán, bảo lãnh bảo hành công trình, bảo lãnh thanh toán). Công ty sử dụng quyền đòi nợ, dòng tiền chuyển về tài khoản của Công ty mở tại SHB và các tài sản khác để đảm bảo cho khoản vay trên (Hợp đồng thế chấp số 2604/2014/TCQDN/SHB.110211 của ngân hàng SHB).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Vay và nợ ngắn hạn (Tiếp theo)

(iv) Vay ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số LD1328900237 ngày 11 tháng 12 năm 2013, giá trị của hạn mức tín dụng là 200 tỷ đồng, thời hạn của hạn mức tín dụng là 12 tháng, thời hạn vay không vượt quá 10 tháng. Khoản vay trên chịu lãi suất được quy định cụ thể trong các khế ước nhận nợ. Công ty sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xây lắp và phát hành bảo lãnh của Công ty. Công ty sử dụng quyền đòi nợ đã hình thành và chưa hình thành từ dự án trọng điểm Quốc gia và các dự án có nguồn vốn đầu tư từ Ngân sách Trung ương và/hoặc vốn vay quốc tế, vốn tài trợ quốc tế để đảm bảo cho khoản vay trên (Hợp đồng Thế chấp quyền đòi nợ số 19052014/HĐTC/VPB-CAU 12 ngày 21 tháng 05 năm 2014 và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐTC/VPB-CAU12).

(v) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công theo Hợp đồng tín dụng từng lần số 01/14/TL/1377 ngày 12 tháng 08 năm 2014, tổng số tiền vay là 10 tỷ đồng, thời hạn vay là 06 tháng. Khoản vay trên chịu lãi suất cố định theo từng giấy nhận nợ và thông báo lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công. Công ty sử dụng vốn vay để thanh toán các chi phí phục vụ thi công gói thầu số 2 (xây dựng hoàn chỉnh đoạn Km245+200-Km246+500) thuộc dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đoạn Km244+155-Km262+353 tỉnh Lào Cai. Công ty sử dụng máy móc thiết bị trị giá 3.655.000.000 đồng để đảm bảo cho khoản vay trên (Thuyết minh số V.7).

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	60.255.561.807	88.619.812.005
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.645.215.322	11.174.448.539
Thuế thu nhập cá nhân	2.558.652.022	2.573.480.835
Phạt vi phạm pháp luật thuế và chậm nộp thuế	4.010.322.490	4.010.322.490
Cộng	74.469.751.641	106.378.063.869

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	346.316.937	296.316.937
Bảo hiểm xã hội	11.607.092.276	5.196.620.510
Bảo hiểm y tế	147.284.254	466.658.699
Bảo hiểm thất nghiệp	63.921.830	205.622.530
Phải trả phải nộp khác	74.925.896.044	49.662.738.213
<i>Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng Phú Xuân</i>	<i>589.707.329</i>	<i>887.967.951</i>
<i>Phải trả đội thi công công trình xây dựng</i>	<i>72.651.982.400</i>	<i>46.549.775.041</i>
<i>Phải trả phải nộp khác</i>	<i>1.684.206.315</i>	<i>2.224.995.221</i>
Cộng	87.090.511.341	55.827.956.889

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Quỹ Đầu tư phát triển VND	Quỹ Dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại 01/01/2013	48.500.000.000	983.563.725	866.170.938	846.605.473	16.257.935.740	67.454.275.876
Lỗi trong năm	-	-	-	-	15.263.756.227	15.263.756.227
Trả cổ tức	-	-	-	-	(5.820.000.000)	(5.820.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	1.369.515.264	1.369.515.264	1.369.515.264	(6.162.818.687)	(2.054.272.895)
Giảm khác (*)	-	-	-	-	(12.202.826.504)	(12.202.826.504)
Số dư tại 31/12/2013	48.500.000.000	2.353.078.989	2.235.686.202	2.216.120.737	7.336.046.776	62.640.932.704
Lãi trong năm	-	-	-	-	14.456.825.191	14.456.825.191
Chia cổ tức	-	-	-	-	(5.820.000.000)	(5.820.000.000)
Phân phối lợi nhuận	-	1.657.256.813	1.657.256.813	1.657.256.813	(7.457.595.659)	(2.485.825.220)
Số dư tại 31/12/2014	48.500.000.000	4.010.335.802	3.892.943.015	3.873.377.550	8.515.276.308	68.791.932.675

(*) Lợi nhuận chưa phân phối giảm khác trong kỳ là do Công ty ghi nhận số thuế bị truy thu và phạt của năm 2011 theo Biên bản thanh tra thuế ngày 30 tháng 12 năm 2014 như sau:

- Số tiền thuế phạt chậm nộp: 11.876.990.142 đồng
- Số tiền thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động trả cổ tức nhưng chưa khấu trừ là: 275.528.500 đồng
- Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp được ưu đãi năm 2011: 50.307.862 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

12. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vốn góp của nhà nước	24.541.000.000	24.541.000.000
Cổ đông khác	23.959.000.000	23.959.000.000
Cộng	48.500.000.000	48.500.000.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
	Cổ phần	Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.850.000	4.850.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.850.000	4.850.000
Cổ phiếu phổ thông	4.850.000	4.850.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.850.000	4.850.000
Cổ phiếu phổ thông	4.850.000	4.850.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

13. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Tuy nhiên, trong năm 2014, Công ty chủ yếu cung cấp dịch vụ thi công xây dựng cầu, các loại hình kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo các bộ phận kinh doanh theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận. Doanh thu, giá vốn theo từng loại hình kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh VI.1 và VI.2.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có duy nhất một trụ sở đặt tại số 463 Nguyễn Văn Linh, phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	806.663.390.809	927.162.108.471
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ hoạt động xây lắp	806.663.390.809	926.352.850.290
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	809.258.181
Các khoản giảm trừ	1.836.958.444	2.481.747.325
Giảm giá hàng bán	1.836.958.444	2.481.747.325
Tổng	804.826.432.365	924.680.361.146

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	744.837.708.827	851.083.090.452
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	2.457.004.123
Cộng	744.837.708.827	853.540.094.575

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	1.090.857.016	959.367.022
Doanh thu tài chính khác	65.818.971	-
Cộng	1.156.675.987	959.367.022

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí lãi vay	13.697.054.479	15.301.887.249
Ghi giảm giá trị khoản đầu tư dài hạn	437.602.594	-
Cộng	14.134.657.073	15.301.887.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.904.950.925	26.368.886.833
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	1.313.802.413	18.051.635.591
<i>Chi phí phạt vi phạm hành chính</i>	-	480.078.572
<i>Chi phí phạt chậm nộp tiền thuê đất</i>	-	46.007.782
<i>Chi phí không được tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo biên bản thanh tra ngày 30/12/2014</i>	-	11.317.425.647
<i>Lãi chậm nộp BHXH</i>	820.467.612	-
<i>Giảm giá trị khoản đầu tư dài hạn không có đủ hồ sơ</i>	437.602.594	-
<i>Tiền bị mất năm 2005</i>	55.732.207	-
<i>Chi phí phạt chậm nộp năm 2013 và phạt vi phạm hành chính về thuế theo biên bản thanh tra ngày 30/12/2014</i>	-	6.208.123.590
Thu nhập chịu thuế	20.218.753.338	44.420.522.424
Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
Thuế TNDN phải nộp	4.448.125.734	11.105.130.606
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.448.125.734	11.105.130.606

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	14.456.825.191	15.263.756.227
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	4.850.000	4.850.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.981	3.147

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	406.956.900.821	373.217.595.498
Chi phí nhân công	141.942.876.587	145.428.567.637
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.920.762.938	9.922.134.003
Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.187.727.713	221.028.166.312
Chi phí khác bằng tiền	91.912.916.355	68.916.325.190
Cộng	794.921.184.414	818.512.788.640

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.9 “*Vay và nợ ngắn hạn*” trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV “*Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu*” tương ứng.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	132.815.358.686	90.810.227.597
Phải thu khách hàng và phải thu khác	357.222.828.083	302.891.396.212
Đầu tư ngắn hạn	6.016.256.605	2.561.258.253
Cộng	496.054.443.374	396.262.882.062
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	127.415.012.114	93.607.950.995
Phải trả người bán và phải trả khác	226.462.850.754	157.740.659.627
Chi phí phải trả	859.811.419	156.905.575
Cộng	354.737.674.287	251.505.516.197

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn và giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014			
Các khoản vay	127.414.464.485	547.629	127.415.012.114
Phải trả người bán và phải trả khác	226.462.850.754	-	226.462.850.754
Chi phí phải trả	859.811.419	-	859.811.419
Cộng	354.737.126.658	547.629	354.737.674.287
Tại ngày 01/01/2014			
Các khoản vay	93.607.403.366	547.629	93.607.950.995
Phải trả người bán và phải trả khác	157.740.659.627	-	157.740.659.627
Chi phí phải trả	156.905.575	-	156.905.575
Cộng	251.504.968.568	547.629	251.505.516.197

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn trong tương lai.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	132.815.358.686	-	132.815.358.686
Phải thu khách hàng và phải thu khác	357.222.828.083	-	357.222.828.083
Đầu tư ngắn hạn	6.016.256.605	-	6.016.256.605
Cộng	496.054.443.374	-	496.054.443.374
Tại ngày 01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	90.810.227.597	-	90.810.227.597
Phải thu khách hàng và phải thu khác	302.891.396.212	-	302.891.396.212
Đầu tư ngắn hạn	2.561.258.253	-	2.561.258.253
Cộng	396.262.882.062	-	396.262.882.062

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm 2014, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên liên quan:	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu	129.695.829.406	31.263.638.738
- Tổng Công ty Công trình Giao thông I	129.695.829.406	31.263.638.738
Công trình Cầu Vĩnh Tuy	7.511.832.705	(969.563.242)
Công trình Nút giao tuyến tránh TP Thanh Hóa và Đại Lộ Lê Lợi	111.862.119.272	-
Công trình Cầu Rạch Miễu	(6.578.845.902)	-
Công trình Cầu Nhơn Hội	704.703.636	-
Công trình Cầu Bàn Thạch	16.196.019.695	32.233.201.980
Số dư với các bên liên quan:	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản phải thu	96.049.809.396	98.919.894.460
- Phải thu khách hàng	96.049.809.396	98.919.894.460
- Tổng Công ty Công trình Giao thông I	96.049.809.396	98.919.894.460
Công trình Cầu Vĩnh Tuy	14.741.152.508	6.948.136.533
Công trình Hầm thông gió Hải Vân	3.006.480.818	3.006.480.818
Công trình Cầu Phú Lương	5.975.967.139	5.975.967.139
Công trình Cầu Thủ Bộ	936.945.688	936.945.688
Công trình Nút giao thông ngã tư Vọng	1.350.109.136	1.350.109.136
Công trình Cầu Đồng Năm	63.338.922	63.338.922
Công trình Nút giao tuyến tránh TP Thanh Hóa và Đại Lộ Lê Lợi	4.122.863.719	-
Công trình Cầu Dung Quất	14.297.119.229	14.297.119.229
Công trình Cầu Tuần	77.975.320	77.975.320
Công trình Nam Đèo Hải Vân	19.223.986	19.223.986
Dự án Sài Gòn-Trung Lương	4.999.213.982	4.999.213.982
Công trình Cầu Rạch Miễu	27.851.760.524	35.419.622.677
Công trình Cầu Hoà Bình-S1	4.410.104.222	4.410.104.222
Công trình Cầu Bàn Thạch	14.197.554.203	20.571.488.423
Công trình Cầu Tuyên Sơn	-	724.439.533
Công trình đường Hồ Chí Minh	-	119.728.852

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong năm 2014, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản phải trả	35.275.996.629	36.051.170.629
- Phải trả người bán	35.275.996.629	36.051.170.629
- Tổng Công ty Công trình Giao thông I	35.275.996.629	36.051.170.629
Ban Điều hành DA 5B NMLD Dung Quất	988.282.129	988.282.129
Dự án MD2, Cần Thơ	4.163.378.234	4.163.378.234
Dự án MD1, Cần Thơ	2.479.996.676	2.479.996.676
Vốn lưu động và Tư vấn Thiết kế	31.000.000	31.000.000
Phải trả về khoản chi phí giao dịch	22.272.603.886	22.272.603.886
Phải trả tiền nhận vật tư	611.475.720	611.475.720
Công trình Cầu Tạ Khoa	51.690.137	51.690.137
Dự án VĐ 3 (Mai Dịch và Đại Từ)	291.276.146	291.276.146
Công trình Cầu Nhơn Hội	4.372.591.906	5.147.765.906
Công trình Cầu Tạm Mường La	13.701.795	13.701.795
- Người mua trả tiền trước	1.084.637.981	-
- Tổng Công ty Công trình Giao thông I	1.084.637.981	-
Công trình Cầu Tuyên Sơn	97.525.789	-
Công trình Đường Hồ Chí Minh	987.112.192	-

3. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh

Số liệu tại ngày 01 tháng 01 năm 2014 là số liệu đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh theo Biên bản thanh tra thuế, chi tiết như sau:

Nội dung sai sót theo Biên bản Thanh tra thuế	Số tiền VND
- Phải thu khách hàng hạch toán thiếu	88.661.826
- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi hạch toán thừa	9.733.329.024
- Hàng tồn kho hạch toán thiếu	1.375.963.759
- Thuế GTGT đầu vào hạch toán thiếu	310.094.886
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn hạch toán thừa	437.602.594
- Phải trả người bán hạch toán giảm	1.144.000.000
- Người mua trả tiền trước hạch toán giảm	4.435.667.859
- Thuế GTGT đầu ra hạch toán thiếu	13.901.168.029
- Thuế TNDN hạch toán thiếu	7.928.523.417
- Thuế TNCN hạch toán thiếu	2.558.128.414
- Thuế bị truy thu và phạt	4.010.322.490
- Phải trả người lao động hạch toán giảm	1.636.301.051
- Doanh thu hạch toán thiếu	1.227.549.568
- Giá vốn hạch toán giảm	2.519.963.759
- Chi phí quản lý doanh nghiệp hạch toán thừa	2.991.654.919
- Thu nhập khác hạch toán thiếu	10.294.735.516

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh (Tiếp theo)

Chỉ tiêu trên Báo cáo	Ảnh hưởng của các sai sót VND
Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng	1.227.549.568
Giá vốn hàng bán giảm	(2.519.963.759)
Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm	(2.991.654.919)
Thu nhập khác tăng	10.294.735.516
Chi phí khác tăng	7.236.980.478
Chi phí thuế TNDN hiện hành tăng	6.880.925.993
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng	2.966.305.153
Lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm	612
Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2014	
Phải thu khách hàng tăng	88.661.826
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi giảm	(9.733.329.024)
Hàng tồn kho tăng	1.375.963.759
Thuế GTGT đầu vào tăng	310.094.886
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn giảm	(437.602.594)
Phải trả người bán giảm	(1.144.000.000)
Người mua trả tiền trước giảm	(4.435.667.859)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng	28.398.142.350
Phải trả người lao động giảm	(1.636.301.051)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm	(9.236.521.351)

Chỉ tiêu trên Báo cáo	Trước điều chỉnh VND	Sau điều chỉnh VND
Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	925.934.558.903	927.162.108.471
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.481.747.325	2.481.747.325
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	923.452.811.578	924.680.361.146
Giá vốn hàng bán	856.060.058.334	853.540.094.575
Doanh thu hoạt động tài chính	959.367.022	959.367.022
Chi phí hoạt động tài chính	15.301.887.249	15.301.887.249
Chi phí quản lý doanh nghiệp	40.453.231.017	37.461.576.098
Thu nhập khác	5.636.997.760	15.931.733.276
Chi phí khác	1.662.036.211	8.899.016.689
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.571.963.549	26.368.886.833
Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.274.512.476	11.105.130.606
Lợi nhuận sau thuế TNDN	12.297.451.073	15.263.756.227
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.536	3.147

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

4. Số liệu so sánh (Tiếp theo)

Chỉ tiêu trên Báo cáo	Trước điều chỉnh VND	Sau điều chỉnh VND
Bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2014		
Phải thu khách hàng tăng	269.879.628.334	269.968.290.160
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi giảm	39.576.057.451	29.842.728.427
Hàng tồn kho tăng	34.628.834.441	36.004.798.200
Thuế GTGT đầu vào tăng	-	310.094.886
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn giảm	437.602.594	-
Phải trả người bán giảm	133.761.480.920	132.617.480.920
Người mua trả tiền trước giảm	32.758.806.398	28.323.138.539
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng	77.979.921.519	106.378.063.869
Phải trả người lao động giảm	14.662.352.217	13.026.051.166
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm	16.572.568.126	7.336.046.775



Ngô Bá Toàn
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2014

Cán Thành Đạt
Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Hải
Người lập biểu



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited



Chi nhánh tại Hải Phòng:

Số 4 Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ
Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
ĐT: 031. 3 797 268 | Fax: 031. 3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Lầu 5, toà nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn
Phường 4, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08. 3 547 2323 | Fax: 08. 3 547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Văn phòng đại diện tại Hải Dương:

Số 95 Đỗ Ngọc Du, Phường Thanh Bình
TP. Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
ĐT: 0320. 3 897 031 | Fax: 0320. 3 897 035
Email: ifchaiduong@ifcvietnam.com.vn

Branch in Hai Phong City:

No. 4, Nguyen Trai Street, May To Ward
Ngo Quyen District, Hai Phong City
Tel: (84) 31 3 797 268 | Fax: (84) 31 3 797 269
Email: ifchaiphong@ifcvietnam.com.vn

Branch in Ho Chi Minh City:

5th Floor, Hai Au TIC Building, 39B Truong Son
4 Ward, Tan Binh District, Ho Chi Minh City
Tel: (84) 8 3547 2323 | Fax: (84) 8 3547 2579
Email: ifchcm@ifcvietnam.com.vn

Representative office in Hai Duong:

No. 95, Do Ngoc Du Street, Thanh Binh Ward
Hai Duong City, Hai Duong Province
Tel: (84) 320. 3 897 031 | Fax: (84) 320. 3 897 035
Email: ifchaiduong@ifcvietnam.com.vn